

Số: 29 /2012/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 12 năm 2012



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế
cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và học sinh, sinh viên
áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/TTLT-BYT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2009 của liên Bộ: Y tế - Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế;

Thực hiện Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 430/STC-TTr ngày 9/11/2012 về việc ban hành quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và học sinh, sinh viên áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về mức ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia) và học sinh, sinh viên áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, như sau:

1. Hỗ trợ 70% (Bảy mươi phần trăm) mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc gia đình cận nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia) quy định tại khoản 20, Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế.

2. Hỗ trợ 70% (Bảy mươi phần trăm) mức đóng bảo hiểm y tế đối với học sinh, sinh viên quy định tại khoản 21, Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế thuộc hộ gia đình cận nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia) và hỗ trợ 30% (Ba mươi phần trăm) mức đóng bảo hiểm y tế đối với học sinh, sinh viên quy định tại khoản 21, Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế không thuộc hộ gia đình cận nghèo.

Điều 2. Giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và học sinh, sinh viên áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội; Y tế; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Y tế;
- Bộ LĐTB&XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy
- TT HĐND tỉnh
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- MTTQ, các đoàn thể và các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; VKSND tỉnh, Toà án tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CV: TC, VX, TP;
- Lưu VT (Hoa TC 120).

(Báo cáo);



Châu Văn Lâm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh
Tuyên Quang vay vốn được hỗ trợ kinh phí và lãi suất tiền vay để
phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm
bể Biogas bằng vật liệu nhựa Composite**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số Chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nông thôn giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 23/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khoá XIV về thực hiện Nghị quyết 26-NQ-TW Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng Khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ văn bản số 165-TB/TU ngày 15/9/2011 của Thường trực Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy ngày 13-14/9/2011;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 241/TTr-SKH ngày 30/10/2012 về việc đề nghị ban hành Quy định cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vay vốn, được hỗ trợ kinh phí và lãi suất tiền vay để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) kết hợp xây dựng hầm bể Biogas bằng vật liệu nhựa Composite,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vay vốn, được hỗ trợ kinh phí và lãi suất tiền vay để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm bể Biogas bằng vật liệu nhựa Composite.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Hội Nông dân Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban Đảng của Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các CT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trưởng phòng: KT CNLN, QH, TH;
- Lưu: VT (Hoa TC 220).

báo cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thục

QUY ĐỊNH

Về việc cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vay vốn, được hỗ trợ kinh phí và lãi suất tiền vay để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm bể Biogas bằng vật liệu nhựa Composite
(Ban hành theo Quyết định số: 30 /2012/QĐ-UBND ngày 28 /12/ 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Hộ gia đình có thành viên là hội viên nông dân, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh, vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm bể Biogas bằng vật liệu nhựa Composite được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội viên nông dân toàn tỉnh gồm: Hội viên nông dân là đối tượng hộ nghèo (nằm trong danh sách hộ nghèo của xã, phường, thị trấn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận) thành viên của Tổ tiết kiệm, tổ vay vốn được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội; hội viên nông dân thuộc đối tượng hộ khác vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chính sách hỗ trợ lãi suất tại Quy định này không áp dụng đối với đối tượng vay vốn và mục đích sử dụng vốn vay sau:

a. Các khoản vay của hội viên nông dân đang hưởng các chính sách hỗ trợ lãi suất khác của Trung ương và địa phương.

b. Các khoản vay đảo nợ; sử dụng vốn sai mục đích, ngoài phạm vi được hỗ trợ lãi suất.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mức cho vay

1. Định mức cho vay: Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy định này được Ngân hàng tại địa bàn thẩm định và nhất trí cho vay vốn để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm biogas bằng vật liệu nhựa Composite, mức cho vay tối đa là 18.000.000 đồng/hộ.

2. Thời gian trả nợ: Bắt đầu từ năm thứ hai và trả hết nợ vào năm thứ ba (năm thứ hai trả tối thiểu là 50%; năm thứ ba trả hết số tiền vay còn lại).

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Hội viên nông dân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy định này phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm Biogas bằng vật liệu nhựa Composite được ngân sách tỉnh hỗ trợ:

- a. Hỗ trợ chi phí xây dựng hầm Biogas: 1.200.000 đồng/hầm/hộ.
- b. Hỗ trợ lãi suất tiền vay trong thời gian tối đa 36 tháng kể từ ngày vay vốn (hộ nghèo được hỗ trợ 100% lãi suất, hộ khác được hỗ trợ 50% lãi suất).
- c. Mức lãi suất: Tính theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng chính sách xã hội, ứng với thời gian vay và đối tượng vay.
- d. Lãi suất tiền vay do Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy định này được tính trên số tiền vay theo hợp đồng vay vốn với các Ngân hàng quy định tại Điểm c khoản này.

2. Ngân sách tỉnh không hỗ trợ lãi suất tiền vay cho các trường hợp:

- a. Số dư nợ hàng năm lớn hơn số phân kỳ trả nợ theo quy định tại Điều 3 Quy định này.
- b. Số dư nợ quá hạn thời gian vay, trả nợ vay đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng.

Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng hầm Biogas và hỗ trợ lãi suất tiền vay cho đối tượng quy định tại Điều 1 Quy định này được bố trí từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế trong dự toán chi ngân sách hàng năm của tỉnh.

Điều 6. Điều kiện được vay vốn và hỗ trợ

1. Là hội viên nông dân đang sinh hoạt tại Chi hội.
2. Có chuồng trại chăn nuôi gia súc đảm bảo cung cấp đủ nguồn phân để hầm Biogas hoạt động, quy mô đàn gia súc tối thiểu từ 7 con lợn hoặc từ 3 con lợn và 2 con trâu, bò trở lên hoặc từ 3 con trâu, bò trở lên.

3. Cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật vận hành hầm Biogas do Hội Nông dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn.

Điều 7. Trình tự, thủ tục xét duyệt, cho vay và hỗ trợ kinh phí, lãi suất xây dựng hầm Biogas

1. Thủ tục xét duyệt, cho vay vốn

a. Người xin vay vốn gửi 01 bộ hồ sơ gồm đơn xin vay vốn, hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất phát triển chăn nuôi có kết hợp xây dựng hầm Biogas (theo mẫu ban hành kèm theo Quy định này) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, tới Hội Nông dân xã, phường, thị trấn.

b. Định kỳ ngày 15 của tháng cuối quý, Hội Nông dân xã, phường, thị trấn xác nhận và tổng hợp số lượng hộ vay vốn gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện, thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, thành phố, Hội Nông dân huyện, thành phố.

c. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện, thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, thành phố tổ chức thẩm định và thông báo kết quả bằng văn bản gửi Hội Nông dân huyện, thành phố trong thời gian 7 ngày làm việc.

d. Hội Nông dân huyện, thành phố tổng hợp kết quả thẩm định cho vay của các Ngân hàng lập theo từng xã, phường, thị trấn báo cáo Hội Nông dân tỉnh trong thời gian 7 ngày làm việc.

e. Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Hội Nông dân cấp huyện, Hội Nông dân tỉnh phê duyệt danh sách hội viên nông dân được vay vốn gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện, thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, thành phố, Hội Nông dân cấp huyện, cấp xã để niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã trước khi giải ngân.

2. Thủ tục hỗ trợ lãi suất và chi phí xây dựng hầm Biogas

a. Định kỳ 6 tháng/lần Hội Nông dân tỉnh lập 01 bộ hồ sơ gồm: văn bản đề nghị và danh sách các hộ được hỗ trợ gửi Sở Tài chính thẩm định.

b. Sở Tài chính thẩm định, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

c. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí.

3. Chuyển kinh phí hỗ trợ

a. Trong thời gian 7 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính lập thủ tục chuyển kinh phí: hỗ trợ xây dựng hầm Biogas cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện, thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, thành phố.

b. Trong thời gian 7 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ xây dựng hầm biogas, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chuyển kinh phí hỗ trợ đến đối tượng được hỗ trợ đảm bảo đúng quy định.

Điều 8. Quyền lợi và trách nhiệm của hội viên vay vốn chăn nuôi có kết hợp xây dựng hầm bể Biogas

1. Quyền lợi

a. Được ngân hàng cho vay vốn để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) kết hợp xây dựng hầm bể Biogas theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

b. Được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng hầm Biogas và được hỗ trợ lãi suất tiền vay theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quy định này.

c. Được tập huấn kỹ thuật sử dụng, vận hành hầm Biogas do Hội Nông dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp tổ chức, thực hiện.

2. Trách nhiệm

a. Tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật vận hành hầm Biogas theo hướng dẫn của Hội Nông dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b. Đảm bảo chi phí làm chuồng trại, chi phí phòng, chống dịch bệnh và hiệu quả kinh tế trong quá trình chăn nuôi.

c. Trả tiền vay, trả lãi suất tiền vay (50% lãi suất còn lại đối với hộ vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đúng thời hạn; mọi trường hợp cố tình trì hoãn, không thực hiện trách nhiệm trả nợ phải chịu xử lý theo quy định của pháp luật.

d. Trong quá trình chăn nuôi có kết hợp xây dựng hầm Biogas bị rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh... Nhà nước vẫn thực hiện hỗ trợ lãi suất trong thời hạn vay theo quy định, đối tượng vay có nghĩa vụ trả đầy đủ vốn vay, lãi suất đúng thời hạn và trả cả lãi suất vay quá hạn (nếu có).

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Hội Nông dân tỉnh:

a. Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng chính sách xã hội, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên nông dân tham gia xây dựng hầm bể Biogas nhằm xử lý chất thải trong chăn nuôi, bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết nhu cầu về chất đốt, ánh sáng, phát triển kinh tế, góp phần xây dựng nông thôn mới.

b. Phê duyệt danh sách các hội viên nông dân được vay vốn và chỉ đạo hội nông dân cấp huyện, cấp xã hướng dẫn hội viên nông dân tham gia phát triển

b. Phê duyệt danh sách các hội viên nông dân được vay vốn và chỉ đạo hội nông dân cấp huyện, cấp xã hướng dẫn hội viên nông dân tham gia phát triển chăn nuôi có kết hợp xây dựng hầm Biogas; hướng dẫn lập thủ tục vay vốn theo quy định; giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, đôn đốc các hộ vay trả nợ gốc, lãi đúng hạn theo quy định; định kỳ 6 tháng 1 lần tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Hội Nông dân tỉnh hướng dẫn hội viên nông dân tham gia xây dựng và sử dụng hầm Biogas theo đúng quy định Dự án Khí sinh học cho ngành chăn nuôi Việt Nam 2007 - 2012 để nâng cao nhận thức, ý thức của người dân về bảo vệ môi trường.

3. Sở Tài chính: Thẩm định về đối tượng, điều kiện, số tiền vay, số tiền đề nghị hỗ trợ của các đối tượng vay vốn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh làm căn cứ phê duyệt hỗ trợ.

4. Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Triển khai cho vay vốn đảm bảo đúng đối tượng theo Quy định này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp với Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã các đơn vị liên quan, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, giám sát theo đúng Quy định này.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận đơn xin vay vốn của hội viên nông dân chuyển cho Hội Nông dân xã, phối hợp Hội nông dân xã với niêm yết công khai danh sách hội viên được Ngân hàng thẩm định và hội nông dân tỉnh phê duyệt vay vốn tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân xã.

Điều 10. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh, các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các cấp phản ánh về Hội Nông dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thực

23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng... năm 201...

ĐƠN XIN VAY VỐN
Phát triển chăn nuôi và làm hầm bể Biogas

Kính gửi: - Hội Nông dân xãhuyện.....
- Ngân hàng

Tên tôi là:

Ngày, tháng, năm sinh.....

Địa chỉ thường trú.....

Thuộc diện hộ:.....

Là Hội viên, nông dân chi Hộixã huyện
tỉnh Tuyên Quang.

CMTND:..... Ngày cấp:.../.../.....; Nơi cấp:.....

Người thừa kế là:Năm sinh:.....Nam/nữ.....

CMTND:..... Ngày cấp:.../.../.....; Nơi cấp:.....

Quan hệ với người vay.....

Sau khi được nghe tuyên truyền của các cấp Hội Nông dân về xây dựng nông thôn mới. Gia đình tôi quyết định đầu tư phát triển chăn nuôi tổng số Lợn.....(con), Trâu, bò.....(con) và làm hầm bể Biogas bằng nhựa Composite để phát triển kinh tế gia đình, nâng cao đời sống và làm giảm ô nhiễm môi trường.

Tôi làm đơn này kính mong Hội Nông dân xã....., Ngân hàngphê duyệt cho tôi được vay vốn phát triển chăn nuôi và làm hầm bể Biogas bằng nhựa Composite được hỗ trợ kinh phí xây dựng là: 1.200.000 đồng/bể (Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn) và được hỗ trợ lãi suất theo quy định.

Được vay vốn xây dựng hầm bể Biogas nhựa Composite tôi và gia đình xin cam kết:

- Chuẩn bị kịp thời nguồn kinh phí đối ứng và các vật tư khác để phát triển chăn nuôi và xây dựng hầm Biogas theo quy định.

- Tuân thủ mọi điều kiện về quy trình kỹ thuật, vận hành và sử dụng của đơn vị lắp đặt, chuyển giao kỹ thuật.

- Tôi xin cam kết trả nợ theo đúng thời gian quy định.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TM HỘI NÔNG DÂN XÃ **XÁC NHẬN UBND XÃ**

NGƯỜI THỪA KẾ
(ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(ký, ghi rõ họ tên)